

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 02/8/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lánh.

2. Ông Hoàng Văn Hưng.

-Thư ký phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Thương- Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên Toà: Ông Võ Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/HSST, ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 và Quyết định bổ sung quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐ-TA ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với:

- *Bị cáo:* A H (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1997. Tại huyện Ng, tỉnh T. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Thôn 7A, xã Đ, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Y, sinh năm 1972 và bà Y Th, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ tên là Y Th1, sinh năm 1999 và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh A K, sinh năm 1990 (đã chết). Địa chỉ: Thôn 7B, xã Đ, huyện H, tỉnh T.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Y X, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 7B, xã Đ, huyện H, tỉnh T (Là mẹ đẻ của bị hại). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Nông Nhảy 2, xã N, huyện Ng, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Y Th, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

-Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh A Thao Xin Kh, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh A Fa R, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 7B, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 7B, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/11/2018, A H điều khiển xe mô tô không gắn biển số chở A Thao Xin Kh đi từ xã H, huyện H về nhà A H tại thôn 7A, xã Đ, huyện H. Khi đến đập Mùa Xuân thuộc thôn Thanh Xuân, xã Ng, huyện H thì trời bắt đầu tối. Do xe mô tô không có đèn chiếu sáng nên A H lấy điện thoại di động của mình bật sáng đèn pin của điện thoại lên đưa cho A Kh cầm để rọi đường. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường cua bên trái thuộc thôn 7B, xã Đ, huyện H thì A H điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường bên trái của xe đi ngược chiều. Khi vừa qua khúc cua, A H phát hiện xe mô tô biển số 82H1-0994 cũng không có đèn chiếu sáng do A K điều khiển đi ở phần đường ngược chiều. Do phát hiện ở khoảng cách gần và hai xe mô tô đều không có đèn chiếu sáng nên A H không kịp xử lý đã tông vào xe mô tô do A K điều khiển làm A K, A H, A Thao Xin Kh và hai xe mô tô ngã xuống đường. Hậu quả: A K tử vong, A H bị thương, A Thao Xin Kh chỉ bị xây xước nhẹ và hai xe mô tô bị hư hỏng.

- Kết quả khám nghiệm hiện trường : Hiện trường vụ tai nạn giao thông tại thôn 7B, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Đây là đoạn đường nhựa, mặt đường phẳng, cách hiện trường 55m về hướng thị trấn Đ là khúc cua về hướng bên phải và cách hiện trường 80m về hướng xã Đ là khúc cua về hướng bên trái.

Hiện trường để lại xe mô tô biển số 82H1-0994; xe mô tô không biển số; 01 vết chà nhựa; 09 vết cà; 01 lò so chân chống của xe mô tô; 01 chiếc dép nhựa màu xanh; vị trí nạn nhân A H, A Thao Xin Kh và A K.

Lấy chiều hướng khám nghiệm hiện trường theo hướng thị trấn Đ đi xã Đ, các số đo tính đến mép đường nhựa bên phải. Lấy cột điện nằm bên trái đường có ký hiệu LTTB làm vật chuẩn. Lòng đường rộng 5,6m, không có vạch sơn phân chia làn đường, hai bên đường có dân cư sinh sống.

Căn cứ hướng chuyển động của hai xe mô tô và các dấu vết để lại tại hiện trường xác định điểm va chạm đầu tiên của hai xe mô tô chiều vuông góc xuống mặt đường gọi là điểm đụng đầu. Từ điểm đụng đầu đến mép đường nhựa bên phải là 3,4m; đến đầu nạn nhân A K là 13,4m; đến trục sau xe mô tô biển số 82H1-0994 là 12,1m; đến trục trước xe mô tô biển số 82H1-0994 là 11,2m; đến đầu vết cà 1 là 8,2m; đến đầu vết cà 2 là 6,7m; đến đầu vết cà 3 là 7,25m; đến đầu vết cà 4 là 6,25m; đến đầu vết cà 5 là 5,3m; đến đầu vết cà 6 là 5,32m; đến đầu vết chà nhựa là 2,7m; đến lò so chân chống xe không biển số là 0,45m; đến chiếc dép nhựa màu xanh là 0,75m; đến đầu vết cà 7 là 1,7m; đến đầu vết cà 8 là 3,35m; đến đầu vết cà 9 là 5,58m; đến trục sau xe mô tô không biển số là 6,5m; đến trục trước xe mô tô không biển số là 7,5m; đến đầu nạn nhân A H là 8m; đến đầu nạn nhân A Kh là 8,4m.

Từ vật chuẩn đến các vị trí: Đến đầu nạn nhân A K là 31,8m; đến trục trước xe mô tô biển số 82H1-0994 là 29,5m; đến trục sau xe mô tô biển số 82H1-0994 là 30m; đến đầu vết cà 1 là 26,9m, đến cuối vết cà 1 là 28,7m; đến đầu vết cà 2 là 25,65m, đến cuối vết cà 2 là 28,3m; đến đầu vết cà 3 là 26,3m, đến cuối vết cà 3 là 26,5m; đến đầu vết cà 4 là 25,45m, đến cuối vết cà 4 là 25,5m; đến đầu vết cà 5 là 24,5m, đến cuối vết cà 5 là 24,55m; đến đầu vết cà 6 là 24,53m, đến cuối vết cà 6 là 24,62m; đến đầu vết chà nhựa là 22,2m; đến điểm đụng đầu là 20m; đến lò so chân chống xe không biển số là 19,6m; đến chiếc dép nhựa màu xanh là 19,2m; đến đầu vết cà 7 là 18,6m, đến cuối vết cà 7 là 17,9m; đến đầu vết cà 8 là 17,4m, đến cuối vết cà 8 là 16,6m; đến đầu vết cà 9 là 15,3m, đến cuối vết cà 9 là 14,95m; đến trục sau xe mô tô không biển số là 14,6m; đến trục trước xe mô tô không biển số là 13,5m; đến đầu nạn nhân A H là 14m; đến đầu nạn nhân A Kh là 16m.

- **Kết quả khám nghiệm tử thi:** Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 136/TT-TTPY ngày 28/11/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận nguyên nhân A K chết: Do chấn thương sọ não.

- **Kết quả định giá tài sản bị thiệt hại:** Tại kết luận định giá tài sản số: 02/KL-ĐGTS ngày 07/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Xe mô tô có số máy FMH00064028, số khung 022LK064028, nhãn hiệu LISOHAKA, số loại 110 hư hỏng với giá trị thiệt hại là 1.000.000 đồng. Xe mô tô không biển số có số máy VTT29JL1P52FMH056904, số khung RRRKWCH1UMAXN56904, nhãn hiệu FERROLI, số loại 110E hư hỏng với giá trị thiệt hại là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- **Kết quả xét nghiệm nồng độ Ethanol:** Theo phiếu kết quả xét nghiệm ngày 27/11/2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh T, kết quả chỉ số Ethanol trong máu của A K là 293,25mg/dl.

- **Về vật chứng của vụ án:**

+ Một xe mô tô gắn biển số 82H1-0994; số máy FMH00064028, số khung 022LK064028; nhãn hiệu LISOHAKO, số loại 110.

+ Một xe mô tô không mang biển số; số máy VTT29JL1P52FMH056904, số khung RRKWCH1UMAXN56904; nhãn hiệu FERROLI, số loại 110E.

Quá trình điều tra, xác định: Xe mô tô không gắn biển số, số máy VTT29JL1P52FMH056904, số khung RRKWCH1UMAXN56904 có biển số đăng ký là 82E1-051.80 có giấy đăng ký xe mang tên A H .

Đối với xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, số máy FMH00064028, số khung 022LK064028 có biển số đăng ký là 34K8-8312 có giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Ng. Còn biển số 82H1-0994 là của xe mô tô nhãn hiệu CANARY, số máy 019655, số khung 7XE19655 có giấy đăng ký xe mang tên Bùi Văn H. Vào tháng 6/2004, anh Nguyễn Văn Ng bán chiếc xe mô tô biển số 34K8-8312 cho anh Bùi Văn H với giá 5.700.000 đồng. Vì thường sử dụng xe mô tô đi làm rẫy nên anh H đã tháo biển số 82H1-0994 ra cất ở nhà. Trong một lần đi làm rẫy xe mô tô có biển số đăng ký 82H1-0994 đã bị mất trộm. Tháng 01/2018, A K đến nhà chơi và nói không có phương tiện đi lại (A K là cháu vợ) nên anh H đã cho A K mượn chiếc xe mô tô biển số 34K8-8312 cùng biển số xe 82H1-0994. Quá trình sử dụng, A K đã lấy biển số 82H1-0994 gắn vào xe mô tô biển số 34K8-8312.

Quá trình điều tra, ngày 16/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu là A H và anh Bùi Văn H quản lý, sử dụng theo Quyết định xử lý vật chứng số: 16 ngày 15/5/2019.

-Về giấy phép lái xe:

+ A K có giấy phép lái xe hạng A1 số AR153695 do Sở Giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 15/4/2011.

+ A H không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, A H đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại A K với tổng số tiền 30.030.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Y X (mẹ đẻ của A K) không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự và viết giấy bãi nại cho A H.

Đối với thiệt hại của xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA có số máy FMH00064028, số khung 022LK064028, chủ xe anh Bùi Văn H không yêu cầu A H phải bồi thường.

Đối với anh A Thao Xin Kh khi tai nạn giao thông xảy ra chỉ bị xây xước bên ngoài da, tự mua thuốc điều trị, anh Kh không yêu cầu bồi thường gì.

Đối với số tiền mặt 24.500.000 đồng và hiện vật trị giá 5.530.000 đồng, tổng cộng là 30.030.000 đồng (*Ba mươi triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*) mà bà Y Th (mẹ đẻ của bị cáo A H) đã bồi thường thay cho A H, bà Y Th yêu cầu A H phải trả lại số tiền này cho bà.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T đã truy tố bị cáo A H tại Bản cáo trạng số: 19/CT-VKS, ngày 30/5/2019 về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến giữ nguyên cáo trạng truy tố và trình bày lời luận tội, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do hành vi

phạm tội mà bị cáo đã gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A H từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Y X là người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận số tiền mặt và hiện vật bồi thường là 30.030.000 đồng (*Ba mươi triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*), bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về dân sự nên không đề cập.

Đối với thiệt hại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA có số máy FMH00064028, số khung 022LK064028 thì chủ xe là anh Bùi Văn H không yêu cầu A H phải bồi thường nên không đề cập.

Đối với số tiền mặt và hiện vật trị giá là 30.030.000 đồng (*Ba mươi triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*) mà bà Y Th đã bồi thường thay cho A H, bà Y Th yêu cầu A H phải trả lại số tiền này, nên buộc A H phải trả lại cho bà Y Th.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đã được xử lý theo quy định của pháp luật nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và không có bổ sung lời khai, không yêu cầu gì về dân sự và giữ nguyên lời khai ở tại cơ quan Điều tra.

Người làm chứng anh A Fa R, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và không có bổ sung lời khai và giữ nguyên lời khai ở tại cơ quan Điều tra.

Tại phiên tòa: Bị cáo A H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát. Về yêu cầu của bà Y Th đòi lại số tiền mặt 24.500.000 đồng và hiện vật trị giá 5.530.000 đồng mà bà Y Th đã bồi thường cho gia đình bị hại thay cho bị cáo. Bị cáo có ý kiến, sau khi chấp hành xong hình phạt tù sẽ về làm ăn để hoàn trả lại cho bà Y Th số tiền nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo A H ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Hà và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị cáo bị truy tố:

Mặc dù không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng ngày 26/11/2018 A H vẫn điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 107cm³, không gắn biển số, chở A Thao Xin Kh tham gia giao thông. Khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc Thôn 7B, xã Đ, huyện H do xe không có đèn chiếu sáng nên A H đã đi lấn sang bên trái của phần đường ngược chiều dẫn đến xảy ra tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 82H1-0994 do A K điều khiển theo hướng ngược lại. Hậu quả làm A K tử vong, A H bị thương, A Thao Xin Kh chỉ bị xây sát nhẹ và hai xe mô tô bị hư hỏng thiệt hại là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Vì vậy, bị cáo A H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Hành vi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 107cm³ tham gia giao thông khi không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô đi không đúng làn đường, phần đường quy định, không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông và điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không đảm bảo trang thiết bị an toàn, kỹ thuật không có đèn chiếu sáng là vi phạm Khoản 9, Điều 8; Khoản 1, Điều 9; khoản 2 Điều 30; Điều 57; Khoản 1, Điều 58 của Luật Giao thông đường bộ, gây ra tai nạn giao thông làm chết một người của A H là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm tới quy định về an toàn giao thông đường bộ. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử và buộc phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là hoàn toàn đúng pháp luật, để răn đe, giáo dục bị cáo biết tuân thủ pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Nên việc người đại diện hợp pháp của bị hại có quan điểm không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

-Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Sau khi phạm

tội, bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền mặt là 24.500.000 đồng và hiện vật trị giá 5.530.000 đồng, tổng cộng là 30.030.000 đồng (*Ba mươi triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*), Người đại diện hợp pháp của bị hại đã viết giấy bãi nại cho bị cáo. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, trong vụ án này bị hại cũng có lỗi uống rượu trước khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông và điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không đảm bảo trang thiết bị an toàn, kỹ thuật là không có đèn chiếu sáng. Vì vậy, bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

-Về nhân thân và tiền án, tiền sự : Bị cáo A H có nhân thân tốt, thể hiện không có tiền án, không có tiền sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn, để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng dẫn dắt, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích, biết tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A H.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô không gắn biển số có biển số đăng ký là 82E1-051.80 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên A H là phương tiện đi lại hàng ngày, việc gây tai nạn là ngoài ý muốn, ngày 15/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho A H. Xét thấy chiếc xe mô tô là phương tiện duy nhất kiếm sống của gia đình bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra giao trả cho bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, có biển số đăng ký là 34K8-8312 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn Ng. Còn biển số 82H1-0994 là của xe mô tô nhãn hiệu CANARY, giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Bùi Văn H. Tháng 6/2004, anh Ng bán chiếc xe mô tô biển số 34K8-8312 cho anh H, do thường sử dụng chiếc xe mô tô này đi làm rẫy nên anh H đã tháo biển số 82H1-0994 ra cất ở nhà. Trong một lần đi làm rẫy xe mô tô có biển số đăng ký 82H1-0994 đã bị mất trộm. Tháng 01/2018, A K đến nhà chơi và nói không có phương tiện đi lại, nên anh H đã cho A K mượn chiếc xe mô tô biển số 34K8-8312 cùng biển số xe 82H1-0994. Quá trình sử dụng, A K đã lấy biển số 82H1-0994 gắn vào xe mô tô biển số 34K8-8312. Ngày 15/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho anh H là đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình bị cáo đã thỏa thuận với gia đình bị hại bồi thường chi phí mai táng và chi phí khác với số tiền 30.030.000 đồng, gia đình bị hại đã nhận đủ. Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Y X không yêu cầu bồi thường thêm mà chấp nhận với số tiền mặt là 24.500.000 đồng và hiện vật trị giá 5.530.000 đồng, tổng cộng là 30.030.000 đồng. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan anh Bùi Văn H bị thiệt hại hư hỏng chiếc xe mô tô là 1.000.000 đồng, nhưng anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí sửa chữa chiếc xe nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Đối với anh A Thao Xin Kh khi tai nạn giao thông xảy ra chỉ bị xây xát bên ngoài da, anh Kh không yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Y Th yêu cầu bị cáo A H phải trả lại số tiền mặt là 24.500.000 đồng và hiện vật trị giá 5.530.000 đồng, tổng cộng là 30.030.000 đồng (*Ba mươi triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*) mà bà đã bồi thường cho gia đình bị hại thay A H. Xét thấy, bị cáo là người gây ra tai nạn dẫn đến thiệt hại về tính mạng cho A K, bị cáo đã trưởng thành, có năng lực trách nhiệm dân sự nên buộc bị cáo A H phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho bà Y Th là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.501.500 đồng (*Một triệu năm trăm lẻ một ngàn năm trăm đồng*) (30.030.000 đồng x 5%). Tuy nhiên, bị cáo thuộc gia đình hộ nghèo, nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[11] Xét ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, trách nhiệm dân sự là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo A H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A H.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 591 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo A H phải hoàn trả cho bà Y Th số tiền 30.030.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự; Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Y Th (bên có quyền) có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo (bên có nghĩa vụ) không thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo A H.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02 tháng 8 năm 2019) lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CA huyện;
- Chi cục THA huyện;
- THA hình sự;
- Những người TGTT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Kim Anh

- Lưu hồ sơ.

